TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS-ST
Ngày 13-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thanh
2. Ông Trịnh Huy Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa***: Ông Lê Doãn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2023/TLHS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Hồ Văn T, sinh ngày 29/5/1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, thị xã B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Hồ V, sinh năm 1968 và bà Nguyễn T, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Lê T và có 01 con sinh năm 2017; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/3/2023. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Hoàng H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 02 Lê T, phường I, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện S, tỉnh Q. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khối phố P, phường H, thành phố K, tỉnh Q. Vắng mặt.

3. Bà Châu Thị K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khối phố M, phường H, thành phố K, tỉnh Q. Vắng mặt.

5. Ông Hứa Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện X, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2017, ông Hoàng H (sinh năm 1975, trú: Số 02 Lê T, phường I, thành phố P, tỉnh G) thành lập hộ kinh doanh C, ngành nghề kinh doanh bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác, bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, thiết bị khác trong xây dựng tại thôn V, xã D, huyện X, tỉnh Q đứng tên giấy phép kinh doanh là mẹ vợ ông H là bà Trần Thị S (sinh năm 1957, trú: thôn N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Q). Ông H thuê Hồ văn T (không có hợp đồng lao động) làm tài xế lái xe tải vận chuyển các loại vật liệu như cát, đá cho hộ kinh doanh C của ông H, ông H thuê chị Phan Thị T1 (sinh năm 1991, trú: Thôn X, xã Q, huyện S, tỉnh Q) làm kế toán cho hộ kinh doanh C. Ông H giao cho T quản lý, sử dụng và bảo quản 01 một xe tải biển số 92C-133.30. Công việc của T là khi có yêu cầu từ ông H về việc đi mua cát, đá, T sẽ điều khiển xe tải đến mỏ cát, mỏ đá đã được chỉ định trên địa bàn tỉnh Q để nhận cát, đá. Sau đó, vận chuyển về đổ bãi của cơ sở hộ kinh doanh C hoặc bãi của các khách hàng mua cát, đá của ông H tuỳ theo yêu cầu. Ông H hoặc kế toán sẽ trực tiếp theo dõi và thanh toán tiền cát, đá cho mỏ vào cuối mỗi tháng. Sau khi làm được một thời gian và nhận được sự tin tưởng từ ông H, T được giao nhiệm vụ là tự tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua cát, đá trên địa bàn thành phố K và huyện N để giới thiệu lại cho ông H làm việc. Khi có được khách hàng, T sẽ là người trực tiếp nhận yêu cầu từ khách hàng, sau đó, đến các mỏ nhận cát, đá và vận chuyển thẳng đến bãi của khách hàng. Khi giao hàng (cát, đá), nếu khách hàng thanh toán tiền mua hàng thì T sẽ thu tiền và giao về cho kế toán để chấm công. Trường hợp khách hàng không thanh toán mà để công nợ thì T phải báo lại cho kế toán biết là khách hàng nợ để theo dõi đối chiếu với công nợ cát, đá tại các mỏ. Vì ông H sinh sống tại thành phố P, tỉnh G, nên việc điều hành hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh C thông qua hệ thống định vị các xe tải trên ứng dụng điện thoại di động chứ rất ít khi đến tại cơ sở hộ kinh kinh doanh điều hành trực tiếp. Ông H cũng rất ít khi liên hệ trực tiếp với khách hàng. Ngoài ra, kế toán của ông H cũng chỉ biết ghi nhận báo cáo của T về số chuyến xe, số khối cát, số công nợ để cuối tháng đối chiếu với công nợ của các mỏ chứ không có liên lạc trực tiếp với khách hàng. Nếu khách hàng chậm trả công nợ thì kế toán cũng nhắc nhở và yêu cầu T liên hệ thu tiền của khách.

Từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2021, T đã nhiều lần chở cát cho khách hàng ở thành phố K, huyện N, tỉnh Q rồi thu tiền thanh toán mua cát của các khách hàng nhưng không giao lại cho kế toán, khi kế toán hỏi thì T nói dối là khách hàng chưa trả tiền, cụ thể: Thọ chở 07 xe cát cho cơ sở vật liệu xây dựng H (tên cũ là H1), địa chỉ: tại đường Nguyễn H, khối phố P, phường H, thành phố K, tỉnh Q do anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1972, trú: khối phố P, phường H, thành phố K, tỉnh Q) làm chủ vào các ngày 13/4/2021 là 2.800.000 đồng, 5/5/2021 là 2.800.000 đồng, 17/5/2021 là 2.800.000 đồng, 31/5/2021 là 3.200.000 đồng, 02/6/2021 là 3.200.000 đồng, 24/6/2021 là 3.200.000 đồng, 26/6/2021 là 3.200.000 đồng, với tổng số tiền là 21.200.000 đồng, T đã lấy tiền nhưng T không đưa về cho kế toán là chị T1; chở 04 xe cát cho cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng HK, địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Q, do

bà Châu Thị K (sinh năm 1972, trú: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Q) làm chủ vào các ngày 01/6/2021 là 3.100.000 đồng, 02/6/2021 là 3.100.000 đồng, 04/6/2021 là 3.100.000 đồng, 11/6/2021 là 3.100.000 đồng, với tổng số tiền 12.400.000 đồng, nhưng không giao cho kế toán là chị T1; chở cát cho 01 khách hàng lẻ tại xã TA, huyện N, tỉnh Q 01 xe cát với số tiền 3.200.000 đồng nhưng không giao cho kế toán là chị T1. Khi rà soát thấy khách hàng ở tuyến do T quản lý có công nợ nhiều và để thời gian lâu, ông H và kế toán yêu cầu T đi thu thì T nói dối chưa thu được, để từ từ thu, khách hàng đang kẹt tiền. Trên thực tế T đã thu và sử dụng tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết số tiền trên. Đến cuối tháng 7/2021, chị Phan Thị T1 là kế toán của cơ sở C xin nghỉ việc nên đã rà soát công nợ và liên hệ trực tiếp với khách hàng để yêu cầu trả tiền nợ cho cơ sở C thì các cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng trên đều nói là đã thanh toán tiền cho T, thì chị T1 mới phát hiện T đã thu tiền của khách sau khi giao cát cho khách nhưng không giao lại cho chị T1. Chị T1 đã báo cáo cho ông H về nội dung trên. Ông H đã yêu cầu kế toán nói với T trả số tiền đã thu về cho ông H nhưng T vẫn không trả. Khi biết việc làm của mình bị phát hiện, T đã thừa nhận với ông H là đã lấy tiền và tiêu xài hết và xin tiếp tục làm cho ông H để có tiền trả nợ cho ông H. Ông H đồng ý cho T tiếp tục làm.

Từ cuối tháng 7/2021 đến tháng 8/2021, T tiếp tục làm việc cho ông H, T nhiều lần chở cát cho khách hàng ở thành phố K, huyện N, tỉnh Q rồi thu tiền thanh toán mua cát của các khách hàng nhưng không giao lại cho ông H mà tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết, cụ thể: T chở cát cho cơ sở vật liệu xây dựng H 01 xe cát vào tháng 7/2021 với số tiền 3.100.000 đồng, và 09 xe cát vào tháng 8/2021 với số tiền là 27.900.000 đồng, tổng số tiền T chở cát thu tiền của cơ sở vật liệu xây dựng H là 31.000.000 đồng; chở 03 xe cát vào tháng 8/2021 cho cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng TH của anh Đỗ Ngọc H (sinh năm 1977, trú: Khối phố M, phường H, thành phố K, tỉnh Q) với số tiền 9.300.000 đồng; chở 01 xe cát vào tháng 8/2021 cho cơ sở vật liệu xây dựng HK với số tiền 3.000.000 đồng, sau khi lấy tiền của các cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng trên thì T không đưa lại tiền cho ông H mà tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết. Đến khoảng tháng 10/2021, ông H đưa cho anh Hứa Đ (sinh năm 1992, trú: Thôn T, xã D, huyện X, tỉnh Q) là lái xe máy múc của hộ kinh doanh C, số tiền là 4.860.000 đồng và nói anh Đ đưa lại cho T để T đi mua 03 xe cát ở mỏ cát về đổ tại bãi của cơ sở hộ kinh doanh C. Tại xã D, huyện X, tỉnh Q, anh Đ đã đưa số tiền 4.860.000 đồng cho T để T đi mua cát đổ vào bãi của cơ sở hộ kinh doanh C. Tuy nhiên, T không đi mua cát về đổ vào bãi của hộ kinh doanh C mà lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Ông H đã liên hệ với T để hỏi thì T nói dối lấy nhiều lý do như con đau, dịch bệnh covid 19 nên chưa đi mua cát được. Nghi ngờ T nói không đúng sự thật, nên ông H có điện thoại cho các khách hàng thì phát hiện T đã thu và chiếm đoạt tiền thanh toán mua cát của khách hàng là 43.300.000 đồng. Vì vậy, ông H đã đến nhà của T tại Thôn C, xã Đ, thị xã B, tỉnh Q để lấy lại xe tải và yêu cầu T trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của ông H từ việc thu tiền khách hàng thanh toán mua cát, nhưng không đưa lại cho cơ sở hộ kinh doanh C cả 2 đợt và tiền ông H đưa T mua cát tổng số tiền là 84.960.000 đồng, số tiền T ứng trước để sửa xe là 10.000.000 đồng và số tiền mượn riêng ông H là 10.000.000 đồng nhưng T không trả.

Ngày 01/8/2022, ông Hoàng H làm đơn tố cáo Hồ Văn T đến Công an thị xã Điện Bàn, Công an thị xã Điện Bàn đã chuyển tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Kỳ để giải quyết theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 50/CT-VKSTK-HS ngày 07/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù; vật chứng vụ án: Đối với 01 cuốn sổ theo dõi công nợ, chuyến xe gồm 151 trang đã được ghi do chị T1 là kế toán của Hộ kinh doanh C cung cấp là vật chứng đề nghị lưu kèm hồ sơ vụ án.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng**: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của người làm chứng xét thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Bị cáo Hồ Văn T được ông Hoàng H là chủ hộ kinh doanh C tin tưởng giao cho 01 chiếc xe tải, thuê chở vật liệu xây dựng cho khách hàng, sau khi chở xong thì nhận tiền từ khách để về giao lại cho kế toán và giao cho ông H. Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021, bị cáo T đã nhận tổng cộng số tiền 80.100.000 đồng của nhiều khách hàng trên địa bàn thành phố K, huyện N, tỉnh Q nhưng không giao lại cho kế toán và ông H mà nói dối là khách hành chưa trả tiền; ngoài ra bị cáo T còn nhận 4.860.000 đồng của ông H để chở cát đổ tại bãi của Hộ kinh doanh C Hưng nhưng không thực hiện mà lấy lý do con đau ốm và do dịch Covid 19 để chiếm đoạt hết số tiền trên. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông H là 84.960.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt bị cáo tiêu xài cá nhân, đánh bạc hết.

Hành vi trên của bị cáo Hồ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ

luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo Hồ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần áp dụng loại hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nghiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Hồ Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại nhiều lần, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, do đó thuộc trường hợp *"Phạm tội 02 lần trở lên"* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình và phải nuôi con còn nhỏ do hiện vợ bị cáo đã bỏ đi, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm về chăm lo cho con.

[2.4] Về dân sự, vật chứng vụ án, vấn đề liên quan trong vụ án:

- Về dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không giải quyết.

- Vật chứng vụ án:

Đối với 01 cuốn sổ theo dõi công nợ, chuyến xe gồm 151 trang đã được ghi do chị T1 là kế toán của Hộ kinh doanh C cung cấp, ông H, chị T1 không yêu cầu nhận lại, xét đây là vật chứng nên lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Vấn đề liên quan khác:

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo mượn riêng của ông H là giao dịch dân sự, gia đình bị cáo cũng đã trả lại số tiền này cho ông H, ông H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi đánh bạc trái phép của bị cáo T, do không xác định được lai lịch những người tham gia chơi, địa điểm tham gia đánh bạc và số tiền đánh bạc nên không có căn cứ khởi tố bị cáo về tội Đánh bạc.

[2.5] Về án phí: bị cáo Hồ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T 18 *(Mười tám)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 15/3/2023).

2. Buộc bị cáo Hồ Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/7/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Bé